

Phụ lục XVIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của **Bộ trưởng Bộ Xây dựng**)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT
NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI NĂM

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số 2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của **Bộ trưởng Bộ Xây dựng** quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Cục Đường bộ Việt Nam báo cáo kết quả hoạt động vận tải, hoạt động của các bến xe trên toàn quốc trong năm như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách

a) Vận chuyển hành khách liên tỉnh theo tuyến cố định

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
1	Tổng số đơn vị vận tải trên địa bàn	Đơn vị	
	- Doanh nghiệp	-nt-	
	- Hợp tác xã	-nt-	
2	Tổng số tuyến	tuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
3	Tổng số phương tiện	xe	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
4	Tổng chuyến xe thực hiện	chuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	

	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
	- Tuyến liên tỉnh	chuyển	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	

* *Ghi chú:* Chỉ tổng hợp số liệu báo cáo của các doanh nghiệp, HTX có trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh tại địa phương.

b) Vận chuyển hành khách theo hợp đồng

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ghi chú
1	Tổng số đơn vị tham gia	đơn vị	
	- Doanh nghiệp	-nt-	
	- Hợp tác xã	-nt-	
	- Hộ kinh doanh	-nt-	
2	Tổng số phương tiện	xe	
	- Sức chứa dưới 9 chỗ	-nt-	
	- Sức chứa từ 9 - 25 chỗ	-nt-	
	- Sức chứa từ trên 25 chỗ	-nt-	
3	Số chuyến xe thực hiện	chuyến	
4	Sản lượng khách vận chuyển	lượt khách	

c) Vận chuyển hành khách bằng xe buýt

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
1	Tổng số tuyến	tuyến	
	- Số tuyến có trợ giá (nếu có)	-nt-	
2	Tổng phương tiện	xe	
3	Tổng số chuyến xe thực hiện	chuyến	
4	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
5	Tổng trợ giá (nếu có)	Tr.đ	

2. Kết quả hoạt động vận tải hàng hóa

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng
1	Tổng phương tiện	xe	

	- Xe Công ten nơ	-nt-	
	- Xe đầu kéo	-nt-	
	- Xe taxi tải	-nt-	
	- Xe tải khác	-nt-	
2	Tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	
	- Xe Công ten nơ	-nt-	
	- Xe đầu kéo	-nt-	
	- Xe taxi tải	-nt-	
	- Xe tải khác	-nt-	
3	Tổng sản lượng luân chuyển hàng hóa	tấn.km	
	- Xe Công ten nơ	-nt-	
	- Xe đầu kéo	-nt-	
	- Xe taxi tải	-nt-	
	- Xe tải khác	-nt-	

3. Kết quả hoạt động của các bến xe trên địa bàn

a) Bến xe khách

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Tổng số bến xe khách	Đơn vị	
2	Tổng số tuyến xe xuất phát tại các bến xe	Tuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
	- Tuyến xe buýt	Tuyến	
3	Tổng số lượng phương tiện	xe	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
	- Tuyến xe buýt	-nt-	
4	Tổng số chuyến xe thực hiện	chuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	chuyến	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	

	- Tuyến liên tỉnh	chuyến	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
5	Tổng số chuyến xe buýt	Chuyến	
6	Tổng số chuyến xe không thực hiện	Chuyến	
	- Tuyến nội tỉnh	-nt-	
	- Tuyến liên tỉnh	-nt-	
7	Tổng hành khách vận chuyển thông qua bến	HK	

b) Bến xe hàng

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
1	Tổng số bến xe hàng trên địa bàn	Đơn vị	
2	Tổng số lượt phương tiện ra, vào các bến	Lượt xe	
3	Tổng khối lượng hàng hoá thông qua tại các bến	1000 tấn	

4. Thuận lợi, khó khăn:

5. Đề xuất, kiến nghị:Bổ sung

Nơi nhận:

- Như trên;

-

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)